BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 02
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 03, Tầng 2, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Hà Thị Mai	Phương		04/08/1972	**1263**	Phó Chánh Văn phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
2	Trần Duy	Phương	5/1/1969		**1264**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
3	Hà Thị Mai	Phương		05/4/1983	**1265**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
4	Vũ Thị	Phương		03/5/1982	**1266**	Trưởng phòng	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
5	Đỗ Trúc	Phương		18/01/1979	**1267**	Phó trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
6	Hoàng Văn	Phượng	15/8/1969		**1268**	Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
7	Nguyễn Tôn	Quân	28/2/1979		**1269**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
8	Lương Nguyễn	Quân	01/3/1972		**1270**	Phó Trưởng ban tổ chức	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
9	Phạm Văn	Quân	19/3/1975		**1271**	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
10	Nguyễn Hữu	Quang	19/9/1977		**1273**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Nguyễn Thanh	Quang	22/12/1970		**1274**	Phó Giám đốc	Sở Công thương tỉnh Quảng Nam		Tiếng Anh
12	Đào Văn	Quyến	06/3/1978		**1275**	Giám đốc	Thư viện tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
13	Đào Quý	Quyền	05/5/1978		**1276**	Chánh Văn Phòng	Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
14	Diêm Đăng	Quỳnh	18/01/1986		**1277**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
15	Phạm Như	Quỳnh	28/7/1966		**1279**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
16	Đỗ Xuân	Quỳnh	20/9/1986		**1280**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
17	Võ Hồng	Sơn	7/10/1969		**1285**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
18	Ngô Minh	Sơn	14/6/1976		**1287**	Phó Chánh Văn phòng	Kiểm toán Nhà nước		Tiếng Anh
19	Nguyễn Việt	Sơn	10/9/1977		**1288**	Trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
20	Nguyễn Văn	Tâm	16/12/1984		**1291**	Phó trưởng phòng	Sở Y tế tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
21	Phan Văn	Tấn	07/10/1975		**1292**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
22	Trần Trọng	Tấn	1/12/1982		**1293**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
23	Phạm Thành	Tạo	17/9/1974		**1294**	Phó Chánh Thanh tra	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
24	Nguyễn Thị	Thái		07/4/1985	**1295**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Phạm Gia	Thắng	02/12/1976		**1296**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
26	Vũ Hải	Thanh		14/8/1979	**1298**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
27	Lê Văn	Thanh	27/8/1978		**1299**	Phó Giám đốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
28	Nguyễn Hữu	Thành	24/02/1974		**1301**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
29	Phùng Tiến	Thành	28/9/1978		**1302**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
30	Hoàng Sinh	Thành		26/10/1973	**1304**	Kế toán trưởng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
31	Lương Chí	Thảo	14/05/1980		**1306**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh